

SỰ GẮN KẾT GIỮA ĐẠO VÀ ĐỜI TRONG CON NGƯỜI QUẢN CƠ TRẦN VĂN THÀNH

THE COHESION BETWEEN LIFE AND RELIGION IN TRAN VAN THANH'S DIGNITY

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Email: myhanhvn@gmail.com

TÓM TẮT

Dưới góc nhìn lịch sử - văn hóa, bài viết đi sâu khám phá nét độc đáo trong con người Quản cơ Trần Văn Thành: từ một thủ lĩnh giáo phái trở thành một thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa nổi danh đất An Giang nửa sau thế kỷ XIX. Ông đứng đầu giáo phái, tuyên truyền tư tưởng Tứ đại trọng Ân (trong đó có Ân đất nước) và rồi lại vận động nhân dân hiện thực hóa tư tưởng ấy bằng cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa do chính ông lãnh đạo. Sự quyện nhập giữa Đạo và Đời ấy đã thực sự làm nên phẩm cách riêng có của Quản cơ Trần Văn Thành và cũng là đặc trưng nổi bật làm nên sắc diện riêng của cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa này.

Từ khóa: Trần Văn Thành; An Giang; Bảy Thưa; thế kỷ XIX; khởi nghĩa.

ABSTRACT

Under the cultural - historical perspective, this article will explore deeply the uniqueness of Tran Van Thanh: from a cult leader to an uprising leader of An Giang land in the second half of the 19th century. He led this cult, propagandized the four important things to be grateful and encouraged the people to realize the above idea by the Bay Thua revolt led by himself. This cohesion between life and religion really made the uniqueness of Tran Van Thanh and the distinctive features of his revolt.

Key words: Tran Van Thanh; An Giang; Bay Thua; century XIX; revolt.

1. Đặt vấn đề

Từ một thủ lĩnh giáo phái trở thành một thủ lĩnh khởi nghĩa - Đó là cảm nhận chung và cũng là ấn tượng đầu tiên khi nhắc đến Quản cơ Trần Văn Thành. Sinh ra và lớn lên trong thời buổi loạn lạc, chứng kiến biết bao cảnh nhân dân đói khổ, lầm than, mảnh đất quê hương từng ngày bị kẻ thù giày xéo, Trần Văn Thành bằng nhiệt tình yêu nước đã cầm vũ khí đứng dậy chia lửa cùng đồng bào. Chỉ có điều vũ khí của ông không chỉ là thứ vũ khí thông thường như bao người anh hùng khác, mà còn có cả thứ vũ khí tôn giáo thấm đẫm chất nhân văn, vừa thật đời – mặn mòi, da diết; vừa hướng tạo tâm hồn con người đạt đến sự siêu tĩnh, siêu thoát, cất nhẹ những gánh nặng và mối lo âu của cuộc sống thường nhật. Chính màu sắc tôn giáo hòa cùng tình yêu và khát vọng độc lập tự do rất đời ấy đã tạo nên sự cao dày mà rất đời thuần nhiên trong nhân cách Trần Văn Thành. Đạo và Đời – 2 nhân tố ấy thực sự đã tương dung, hòa

quyện vào nhau trong cùng một con người.

2. Nội dung

2.1. Những nhân tố khách quan và chủ quan tác động làm nên sự gắn kết giữa Đạo và Đời trong con người Trần Văn Thành

Trước hết, chính tác động lớn của hoàn cảnh lịch sử, cụ thể là mảnh đất An Giang – nơi ông sinh ra và lớn lên, cùng với tâm lý của người dân nơi đây trong bối cảnh đầy biến động của thế kỷ XIX đã góp phần định thành nên đặc trưng gắn kết giữa Đạo và Đời trong con người Trần Văn Thành.

Từ nửa sau thế kỷ XVIII, chế độ phong kiến Việt Nam lâm vào bước đường khủng hoảng, suy thoái. Bước sang thế kỷ XIX, triều Nguyễn lên nắm chính quyền đã không đủ sức vực dậy xã hội đang “lên cơn sốt trầm trọng” mà những sai lầm trong chính sách đối nội, đối ngoại của Nguyễn triều càng khiến cho mâu thuẫn xã hội ngày một gay gắt. Nan

kiêm tinh, cướp đoạt ruộng đất, nạn cường hào tham nhũng trở nên phổ biến hơn bao giờ hết. Chưa lúc nào người dân bị lâm vào cảnh sống đói nghèo và sự hoành hành triền miên của bệnh dịch như lúc này. Trong bối cảnh đấy, cơn bão táp khởi nghĩa nông dân lại cuộn lên mạnh mẽ ở khắp mọi nơi. Trong số đó, mảnh đất An Giang được xem là “điểm nóng” của phong trào nông dân khởi nghĩa ở miền Tây Nam Bộ. Có thể nói, nếu như trước đây, chiến tranh và đói nghèo đã đẩy những người dân phiêu bạt từ khắp mọi nơi đến hợp lực khai phá vùng đồng bằng sông Cửu Long, chinh phục đầm lầy, rừng hoang... trong đó có mảnh đất An Giang này, thì nay, một lần nữa chính chiến tranh loạn lạc và những cơn đói kém triền miên lại càng khiến yêu cầu cổ kết nhân tâm được đặt ra cấp thiết hơn bao giờ hết.

Trong bối cảnh ấy, khi mà hệ tư tưởng Nho giáo đã phai nhạt dần theo bước chân của đoàn người di dân cùng với sự suy thoái của chế độ phong kiến, khi mà những giáo lý nhà Phật không còn tương thích với những con người đang muốn vùng lên đấu tranh mạnh mẽ thoát khỏi những đè nén, áp bức đến cùng cực trong cuộc sống thường nhật, và khi Thiên Chúa giáo – một tôn giáo có gốc nguồn từ phương Tây không đủ sức huy động sức mạnh toàn dân trong bối cảnh ách xâm lược của thực dân Pháp đang đến gần, thì sự xuất hiện của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương vào năm 1849 tại An Giang và ba tỉnh miền Tây với nguyên lý Tứ Ân (ân tổ tiên, ân đất nước, ân tam bảo¹, ân đồng bào và nhân loại) lấy TÂM THÀNH làm gốc, với HUỐNG THIÊN làm đích, đã trở thành ngọn cờ tư tưởng quy tụ lòng dân nơi đây. Hơn thế nữa, sự đơn giản hóa hình thức tu luyện cùng với những hoạt động có ý nghĩa thực tiễn của Phật thầy Tây An (như chữa bệnh, khai hoang), đặc biệt là sự khích lệ tinh thần yêu nước – một trong Tứ Ân của Bửu Sơn Kỳ Hương đã thực sự làm nên sức hấp dẫn kì diệu của giáo phái này. Vậy là, hướng đích của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương đã

song trùng với yêu cầu thực tiễn cuộc sống rất “đời” của những người dân nơi đây. Cái khoảng cách giữa Đạo và Đời theo đó dường như cũng đã được xóa nhòa. Là một người con của mảnh đất quê hương này, sinh ra và lớn lên trong bầu không khí ấy, tâm lý chung của đông đảo người dân như vậy, không ít thì nhiều sẽ thấm nhiễm vào lối sống, nếp nghĩ của Trần Văn Thành như một lẽ tất yếu.

Điều đáng nói là Trần Văn Thành được sinh ra vào khoảng cuối đời Gia Long trong một gia đình trung nông ở thôn Bình Thạnh Đông thuộc tổng An Lương, huyện Đông Xuyên, tỉnh An Giang (nay thuộc xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang) [1; tr.17]. Thân sinh của Trần Văn Thành thuộc vào lớp lưu dân tiền phong ở địa phương này. Nhờ làm ăn phát đạt mà ông trở thành người khá giả trong làng. Do vậy, trong khi hầu hết những người dân nơi đây không có điều kiện học hành, hấp thu, tiếp nhận nền Nho học thì Trần Văn Thành có điều kiện được học hành đến nơi đến chốn cả văn lẫn võ. Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức và sự giác ngộ chính trị trong ông. Hơn ai hết, Trần Văn Thành thấu suốt tư tưởng Trung quân - Ái quốc của Nho giáo, nhận chân được những yêu cầu cấp thiết trong đời sống người dân lúc bấy giờ và rồi cũng hơn ai hết, chính Trần Văn Thành lại sớm tỉnh giác được những chuyển vận của thời cuộc để bắt kịp và hòa cùng với nó một khi triều Nguyễn đầu hàng thực dân Pháp sau những nỗ lực bất thành. Tất cả những điều ấy đã khiến Trần Văn Thành sớm trở thành một con người luôn sống với những suy tư rất đời và nhanh chóng tạo dựng cho mình uy tín nổi bật trong quần chúng nhân dân. Từ khả năng quân sự như đánh giặc bảo vệ vùng biên giới, hàng phục thổ dân, cho đến những đóng góp của ông trong việc vận động dân nghèo khai khẩn đất hoang đã đưa ông trở thành một nhân vật nổi bật, một điểm sáng tiêu biểu cho những chuẩn mực đạo đức, năng lực cần có của người dân nơi đây trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ. Để rồi từ đó, nhân dân nhìn thấy ở ông khí chất và tài năng của người có thể đứng đầu chèo lái con thuyền Đạo – Đời đầy gian lao, thử thách, tôn vinh ông làm người đứng

¹ Được hiểu là “3 ngôi báu” bao gồm: Phật, Pháp, Tăng

đầu giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương và rồi trở thành thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa suốt hơn 6 năm trời từ 1867 đến 1873 [1]. Từ một thủ lĩnh giáo phái trở thành một thủ lĩnh khởi nghĩa, khoảng cách ấy tưởng xa vời nhưng lại rất gần với Quán cơ Trần Văn Thành. Dường như tinh thần yêu nước trong giáo phái này đã song trùng và quyện nhập với lòng yêu nước, khát vọng tự do rất đời của người dân mất nước như ông. Ông đứng đầu giáo phái, tuyên truyền tư tưởng Tứ đại trọng Ân (trong đó có Ân đất nước) và rồi lại vận động nhân dân hiện thực hóa tư tưởng ấy bằng chính cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa do ông lãnh đạo. Tất cả diễn ra theo một lẽ tự nhiên, thường tình, xóa nhòa những khoảng cách vô hình giữa một thủ lĩnh giáo phái với một thủ lĩnh khởi nghĩa. Bức tường ngăn cách giữa Đạo và Đời trong ông theo đó cũng không còn nữa.

2.2. Biểu hiện của sự gắn kết Đạo – Đời trong con người Trần Văn Thành

Như chúng ta đã đề cập ở trên, trước khi thực dân Pháp xâm lược, ông đã từng đầu quân giúp vua cứu nước thời loạn. Bây giờ, vào năm 1840, Nặc Đôn dựa vào thế lực Xiêm La, cướp ngôi hoàng huynh là Nặc Chân, đồng thời xúi dục, kích động người Khơ-me ở Nam kỳ nổi dậy khắp nơi, nhất là vùng biên giới Tây nam. Để bảo vệ biên cương, triều đình nhà Nguyễn tăng cường quân lực, kêu gọi nhân dân địa phương đầu quân bảo vệ đất nước. Và Trần Văn Thành đã ra đầu quân trong dịp này, được biên chế vào quân đội địa phương tỉnh An Giang. Nhờ tài võ nghệ và năng lực chỉ huy nên ông sớm được bổ dụng làm suất đội chỉ huy 50 binh lính. Kết quả là, binh đội địa phương phối hợp với quân đội của triều đình đã đánh đuổi được liên quân Chân Lạp – Xiêm La. Sau thắng lợi này, ông được triều đình thăng chức Chánh Quán cơ, chỉ huy 500 quân sĩ đồn trú trong địa phận An Giang [2; tr.19].

Sau khi giải ngũ, Trần Văn Thành còn vận động bà con trong thôn Bình Thạnh Đông khai phá đất hoang trong làng, giúp đỡ hỗ trợ gia đình neo đơn, nhất là những gia đình quân nhân thuộc

quyền trước đây. Tất cả những hành động cụ thể ấy đã góp dựng tạo lập nên uy tín và đạo hạnh cao ở ông. Và như một lẽ tất yếu, ông sớm trở thành điểm tựa trong cuộc sống đời thường của người dân nơi đây và rồi hóa thành linh hồn, chỗ dựa tinh thần cho những tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương nhiệt thành yêu nước.

Trở thành thủ lĩnh của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương, *Trần Văn Thành đã biến nó thành ngọn cờ tư tưởng quy tập dân chúng gần xa mà trước hết là những tín đồ yêu nước* đang sục sôi căm thù trước ách xâm lược của thực dân Pháp và sự đầu hàng của vua quan nhà Nguyễn. Theo nhiều tài liệu ghi chép lại, lực lượng gia nhập khởi nghĩa Trần Văn Thành không chỉ bó hẹp trong phạm vi tỉnh An Giang mà lan rộng ra cả các tỉnh lân cận [1; tr.74]. Cũng chính nhờ danh nghĩa tôn giáo mà việc chiêu mộ nghĩa binh diễn ra khá thuận lợi, che mắt được thực dân Pháp đang lùng sục gắt gao lúc bấy giờ. Có thể nói, tôn giáo lúc này đã được Trần Văn Thành biến hóa linh hoạt thành cái vỏ nguy trang cho những hoạt động mộ nghĩa. Lấy danh nghĩa là các tín đồ đi hành đạo, nghĩa quân đã không ngừng liên lạc với bên ngoài căn cứ, mở rộng quy mô hoạt động của mình.

Đặt trong bối cảnh lịch sử khi mà cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa phải đương đầu với hàng loạt những thử thách chông chát, chúng ta mới thấy hết được tầm nhìn sáng suốt của Trần Văn Thành trong việc dùng *tôn giáo như một “cây đũa thần” hóa giải mọi nan vấn, tiếp thêm nghị lực, sức mạnh cho lực lượng khởi nghĩa*. Chúng ta biết rằng, bấy giờ, hàng loạt cuộc khởi nghĩa lớn chống Pháp đều đã bị thất bại (cuộc khởi nghĩa của Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương, Nguyễn Hữu Huân...), triều đình Nguyễn đã chính thức đầu hàng thực dân bằng hàng loạt những hòa ước bán nước, 3 tỉnh miền Đông rồi 3 tỉnh miền Tây lần lượt rơi vào tay thực dân Pháp. Do vậy, Trần Văn Thành dấy nghĩa trong hoàn cảnh không nhận được sự hỗ trợ, liên kết từ bên ngoài, đặc biệt còn bị đặt vào vòng bất hợp pháp, có thể bị quan quân triều đình truy quét bất cứ lúc nào. Hơn nữa, nghĩa quân Bảy Thưa ở vùng biên

giới xa xôi, thành phần dân tộc không đồng nhất, cương vực thường xuyên có nhiều biến động. Trong khi đó, tâm lý của không ít người dân vốn ít nhiều thấm nhiễm Nho giáo đang bị giằng co quyết liệt giữa giữa tư tưởng Trung quân và Ái quốc. Chính lúc ấy, Trần Văn Thành bằng giáo thuyết của phái Bửu Sơn Kỳ Hương với tư tưởng nhập thế tích cực, với hình thức tu học giản đơn: không đầu tròn, áo vuông, chuông mõ, chùa chiền; giáo lý, kinh kệ gần gũi, thiết thực và đặc biệt được Nôm hoá phù hợp với trình độ của nông dân vùng đất mới đã đưa người dân bứt ra khỏi những ràng buộc lỗi thời, buông bỏ những mưu cầu tầm thường, vượt qua mọi gian lao để hướng đến giải quyết vấn đề mà thời đại, đất nước đang đặt ra: giải phóng quê hương, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, cho chính bản thân mình. Rõ ràng, ở đây, tôn giáo đã được Quán cơ Trần Văn Thành sử dụng như một chất miễn dịch đủ mạnh để chống chọi lại với những yếu tố bất lợi từ bên ngoài tác động vào.

Và rồi trong suốt thời gian diễn ra cuộc khởi nghĩa từ 1867 đến 1873, *chính tôn giáo lại được Trần Văn Thành làm điểm tựa huy động sức mạnh toàn dân từ xây dựng căn cứ, rèn đúc vũ khí cho đến tích trữ lương thực phục vụ khởi nghĩa...*

Từ chỗ quyết định lấy rừng Bảy Thưa trong vùng Láng Linh xây dựng căn cứ vào đầu năm 1868, dưới sự hợp sức của đông đảo tín đồ, chỉ trong một thời gian ngắn, Trần Văn Thành đã chỉ huy nhân dân chiến thắng thiên nhiên hoang dã và khắc nghiệt nơi đây để xây dựng nên một hệ thống đồn lũy làm thành vành đai phòng thủ khá kiên cố bao quanh rừng Bảy Thưa. Ngoài đồn Hưng Trung đặt ở vị trí trung tâm, lúc bấy giờ còn có đồn Cái Môn ở phía tả, đồn Sơn Trung và đồn Giồng Nghệ ở phía hữu, phía sau có trạm canh ông Tà [1; tr.76].

Hơn thế, trong điều kiện phải đương đầu với thế lực hùng mạnh có “tàu đồng đại bác” của thực dân Pháp, Trần Văn Thành đã thực sự thành công trong việc huy động sức dân đóng góp nguyên liệu để rèn đúc vũ khí chiến đấu. 3 lò đúc gương súng và 12 nòng súng đồng được khai quật tại khu căn cứ Bảy Thưa vào năm 1935 – 1936 [2; tr.69]; 8

súng điều thương và 1 số đạn được phát hiện trong một hầm chứa vũ khí chôn sâu dưới đất tại xã Thạch Mỹ Tây – huyện Châu Phú hay 40 cây thương, trong đó có 13 cây còn nguyên dạng được tìm thấy trong hầm chứa vũ khí tại ấp Long Châu II [1; tr.79]... Đó là những con số sinh động minh chứng hùng hồn cho chúng ta thấy nỗ lực phi thường của người dân dưới sự chỉ huy của Trần Văn Thành trong những năm tháng khởi nghĩa đầy gian khó. Thêm vào đó, tín đồ từ khắp các nơi về tôn kính ông mang theo rất nhiều lúa gạo. Nhiều sử sách ghi lại: Gần đồn Cái Môn bây giờ còn có thêm 1 đồn nữa có tên là đồn Lương – vốn là nơi tích trữ lương thực của nghĩa quân Trần Văn Thành. Chính Emille Puech – viên chủ tỉnh Long Xuyên khi gửi báo cáo cho mật thám Pháp cũng đã phải thừa nhận sức mạnh của nhân dân mà đa phần là các tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương trong cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa do Trần Văn Thành khởi xướng: “Ông (Trần Văn Thành) lập ra một đạo gọi là “ĐẠO LÀNH”. Trong hầu hết các tỉnh ở đất Gia Định đều có tín đồ. Tín đồ từ các nơi về tôn kính ông nên tới mật khu mang theo lúa gạo, sắt để rèn khí giới. Dân ở làng lân cận bảo vệ ông bằng cách giữ bí mật và không ai đi lọt được vào vùng cấm địa” [1; tr.79].

Quả thật, đông đảo tín đồ tôn giáo lúc bấy giờ đã hợp lực để tiếp thêm sức mạnh cho thủ lĩnh Trần Văn Thành và cuộc khởi nghĩa do chính ông lãnh đạo. Và rồi *chính sự quyện nhập giữa niềm tin tôn giáo và lý tưởng sống vì dân, vì nước đã tạo nên một bản lĩnh thép trong con người ông, giúp ông trụ vững tinh thần trước bao lần dụ hàng đầy hiểm độc của kẻ thù.* Ông không chút may mắn nao núng trước những bức thư chiêu dụ của thực dân Pháp, cũng không một chút nuối tiếc trước những danh lợi tầm thường. Dường như cái siêu tính và thanh cao của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương đã thấm sâu trong ông, giúp ông giữ được nguồn tâm trong trẻo, vô nhiễm giữa cuộc đời trần trụi đầy cám dỗ. Để cuối cùng ông đã hy sinh, bỏ lại thân xác trên chiến trường cho lý tưởng sống tốt đời, đẹp đạo ấy.

3. Kết luận

Cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa đã khép lại vào tháng 3 năm 1873 sau hàng loạt những trận tranh đấu quyết liệt với thực dân Pháp, nhưng âm vang của cuộc khởi nghĩa ấy vẫn còn sống mãi và gieo vào lòng chúng ta một nỗi ám ảnh khôn nguôi về sự quyện nhập đến tuyệt vời giữa Đạo và Đời trong cùng một con người. Những giáo lý hướng Tâm, hướng Thiện của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương đã thực sự chấp cánh cho lý tưởng sống rất Đời của Trần Văn Thành bay cao, mang

lại đặc trưng riêng biệt khó lẫn cho cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa và một dáng cách rất riêng, rất thiêng cho người anh hùng đất An Giang này. Chính sự quyện nhập Đạo – Đời ấy đã làm nên sức sống mãnh liệt của Trần Văn Thành trong lòng dân tộc từ xưa đến nay và một lần nữa cũng minh chứng sinh động cho chúng ta thấy sự đồng hành của tôn giáo dân tộc cùng với Tổ quốc trên những chặng đường lịch sử.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Thu Lương, Võ Thành Phương (1991), *Khởi nghĩa Bảy Thưa (1867 - 1873)*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Nguyễn Văn Hào (1956), *Đức Cố Quản*, NXB Tân Sanh, Sài Gòn.
- [3] Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Bá Thế (1992), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Vương Kim (1965), *Bửu Sơn kỳ hương*, NXB Long Hoa, Sài Gòn.
- [5] Sơn Nam (1988), *Lịch sử An Giang*, NXB Tổng hợp An Giang.
- [6] Phạm Văn Kiên (2009), *Lịch sử địa phương An Giang*, NXB Giáo dục.